

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ 327/2023/TLST-HN ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông **Huỳnh Lê L**, sinh năm 1974

Địa chỉ: **G Xa lộ H, Tổ D, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: **G Xa lộ H, Tổ D, Khu phố B, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại **thành phố T** nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23/3/2023 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ theo theo Giấy chứng nhận kết số 92/2001 Quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2001 thì quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L là tự nguyện và hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là hoàn toàn phù hợp với qui định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L xác định có 01 con chung tên Huỳnh Lê T1, sinh ngày 28/12/2000, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L xác định không có.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê Long t khai không có.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê Long c.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92/2001 Quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận B (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/12/2001 chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L xác định có 01 con chung tên Huỳnh Lê T1, sinh ngày 28/12/2000, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L xác định không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L phải chịu, được cán trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2022/0008229 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Lê L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b

và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Sương